

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2019/DS-ST

Ngày: 29/10/2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH LONG AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Quốc Tuấn

2/ Ông Bùi Mạnh Quyết

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Quy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 265/2019/TLST-DS, ngày 20/8/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2019/QĐXXST-DS, ngày 04/10/2019 giữa:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Cẩm C, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp 1, xã MT, huyện X, tỉnh Long An.

* **Bị đơn:** Ông Trần Văn N, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1972. Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã MT, huyện X, tỉnh Long An.

Bà C có mặt. Bà P và ông N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm C trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà có làm chủ 2 dây hụi (hụi hoa hồng) như sau:

- Dây thứ nhất: Hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, khai ngày 05/4/2017 dương lịch (gom hụi ngày 15 hàng tháng), gồm 33 phần, hoa hồng 800.000 đồng. Bà P tham gia 1 phần, tên trong phiếu hụi là “S” (tên thường gọi của ông N chồng bà P), số thứ tự trong phiếu hụi là 11. Bà P đã hốt hụi tháng

8/2017 dương lịch số tiền 45.520.000 đồng, bà P đã nhận đủ tiền. Sau khi hốt hụi, bà P có đóng hụi chết đến tháng 8/2018 thì không đóng nữa. Đến nay, bà P còn nợ 13 kỳ hụi chết từ tháng 9/2018 đến tháng 9/2019. Bà phải đóng thay cho bà P (2.000.000 đồng x 13 kỳ = 26.000.000 đồng). Hiện nay, hụi vẫn hoạt động bình thường. Bà yêu cầu bà P trả 26.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

- Dây thứ hai: Hụi 5.000.000 đồng, 6 tháng một lần, khai hụi vào tháng 2 và tháng 7 hàng năm, khai ngày 15/02/2011 âm lịch (gom hụi ngày 15 của tháng 3 và tháng 8 hàng năm), gồm 20 phần, hoa hồng 2.000.000 đồng. Bà P tham gia 1 phần, tên trong phiếu hụi là “S” (tên thường gọi của ông N chồng bà P), số thứ tự trong phiếu hụi là 6. Bà P đã hốt hụi tháng 8/2015 âm lịch số tiền 63.500.000 đồng, bà P đã nhận đủ tiền. Sau khi hốt hụi, bà P có đóng hụi chết đến tháng 3/2018 thì không đóng nữa. Đến nay, bà P còn nợ 3 kỳ hụi chết của tháng 8/2018, tháng 3/2019 và tháng 8/2019. Bà phải đóng thay cho bà P (5.000.000 đồng x 3 kỳ = 15.000.000 đồng). Hiện nay, hụi vẫn hoạt động bình thường. Bà yêu cầu bà P trả 15.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Tiền hụi bà P nợ của bà tính đến tháng 9/2019 tổng cộng là 41.000.000 đồng. Các kỳ hụi tiếp theo nếu bà P tiếp tục vi phạm thì bà sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Bà yêu cầu ông N liên đới với bà P trả nợ hụi bởi vì ông N và bà P là vợ chồng. Khi bà đi gom hụi, ông N cũng biết. Bà không đồng ý cho bà P, ông N trả dần vì đã hẹn nhiều lần mà không thực hiện.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà có tham gia 2 dây hụi do bà C làm chủ hụi như bà C nêu trên là đúng. Bà P còn nợ tiền hụi của bà C như sau:

Dây thứ nhất: Hụi 2.000.000 đồng khai ngày 05/4/2017 dương lịch. Bà P thừa nhận còn nợ bà C 13 kỳ hụi chết từ tháng 9/2018 đến tháng 9/2019 là (2.000.000 đồng x 13 kỳ = 26.000.000 đồng).

Dây thứ hai: Hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 15/02/2011 âm lịch. Bà P thừa nhận còn nợ bà C 3 kỳ hụi chết của tháng 8/2018, tháng 3/2019 và tháng 8/2019 là (5.000.000 đồng x 3 kỳ = 15.000.000 đồng).

Tổng cộng tiền nợ là 41.000.000 đồng (tính đến tháng 9/2019). Bà đồng ý trả cho bà C số tiền 41.000.000 đồng, nhưng xin trả dần, mỗi tháng 1.000.000 đồng do hiện nay bà không có tiền, bà ở nhà giữ cháu nội nên không có thu nhập nào khác. Ông N không biết gì về việc hụi, chỉ mình bà chơi hụi với bà C.

Bà tự đóng tiền cho bà C. Bà hốt hụi để trả nợ và xoay xai chi tiêu trong gia đình.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Hội đồng xét xử, những người tham gia hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong vụ án, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị P, ông Trần Văn N trả 41.000.000 đồng.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng góp hụi được quy định tại điều 471 Bộ luật dân sự. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An được qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đương sự xác định không cung cấp thêm bất cứ tài liệu, chứng cứ nào mới.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nên tòa án giải quyết vắng mặt đương sự này theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Các đương sự thống nhất: Bà P có tham gia hai dây hụi do bà C làm chủ, hụi hoa hồng. Tên trong phiếu hụi là “S” tên thường gọi của ông N chồng bà P.

- Dây thứ nhất: Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 05/4/2017 dương lịch, bà P còn nợ 13 kỳ hụi chết từ tháng 9/2018 đến tháng 9/2019 là (2.000.000 đồng x 13 kỳ = 26.000.000 đồng).

- Dây thứ hai: Hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 15/02/2011 âm lịch, bà P còn nợ 3 kỳ hụi chết của tháng 8/2018, tháng 3/2019 và tháng 8/2019 là (5.000.000 đồng x 3 kỳ = 15.000.000 đồng).

Bà P không đóng tiền hui chết đầy đủ cho bà C và thừa nhận còn nợ bà C tổng cộng 41.000.000 đồng tiền hui. Do đó, có cơ sở buộc bà P trả cho bà C 41.000.000 đồng tiền hui theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ.

Về phần lãi suất: Bà C không yêu cầu bà P trả lãi suất trên số tiền hui gốc 41.000.000 đồng là sự tự nguyện của đương sự, không trái quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về trách nhiệm trả nợ: Bà P cho rằng ông N không biết gì về việc chơi hui giữa bà C và bà P. Mục đích bà hốt hui để trả nợ và xoay xoi chi tiêu trong gia đình. Xét thấy, khoản nợ hui này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và bà P thừa nhận sử dụng tiền vay để sử dụng chi xài trong gia đình. Do đó, ông N phải có trách nhiệm liên đới trả tiền hui cho bà C căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

Về cách thức trả nợ: Bà P xin trả dần vì hiện nay bà không có khả năng trả nợ, nhưng bà C không chấp nhận và pháp luật không có quy định cho trả dần, nên yêu cầu của bà P là không có cơ sở chấp nhận.

Từ các phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C. Buộc bà P, ông N phải liên đới trả cho bà C 41.000.000 đồng tiền hui.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà P, ông N phải chịu 2.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm C đối với bà Nguyễn Thị P, ông Trần Văn N về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Buộc bà Nguyễn Thị P, ông Trần Văn N phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm C 41.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án

xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P, ông Trần Văn N phải liên đới chịu 2.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Cẩm C không phải chịu án phí. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Cẩm C 800.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004658, ngày 19/8/2019 của Chi Cục thi hành án huyện X, tỉnh Long An.

3/ Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành dân sự án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Long An;
- THADS, VKS huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu AV, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Mỹ Phượng